TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 128/2026/QĐST-HNGĐ	*Điện Biên, ngày 27 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 161/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: chị Vàng Thị N, sinh năm: 1996, địa chỉ thường trú: bản H, xã T, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: anh Mùa A T, sinh năm: 1995, địa chỉ thường trú: bản N, xã P, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: chị Vàng Thị N, sinh năm: 1996, địa chỉ thường trú: bản H B, xã T, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: anh Mùa A T, sinh năm: 1995, địa chỉ thường trú: bản N, xã P, tỉnh Điện Biên.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Vàng Thị N và anh Mùa A T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: anh Mùa A T là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Mùa Thị Kim L, sinh ngày 13/8/2018; cháu Mùa A T, sinh ngày 31/8/2013 đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Vàng Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mức 1.000.000đ/ tháng/ 02 con. Hình thức cấp dưỡng chuyển khoản vào số tài khoản của anh T số: 1062460926, ngân hàng Vietcombank. Chuyển vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu tính từ ngày 15/6/2026 cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động.

Anh T nhất trí không yêu cầu tính lãi khi chị N chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Các đương sự đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị N và anh T được miễn án phí dân sự sơ thẩm khi thuận tình ly hôn, chị N được miễn tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 - ĐB;
- UBND xã P
(Nơi đăng ký kết hôn);
- THADS tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga